

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 22-01-2025
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 473/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2; địa chỉ: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C - số A, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện pháp luật ông C, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Phùng Minh Đ, chức vụ Giám đốc khối thu hồi nợ của Công ty T2.

Công ty T2 ủy quyền cho Công ty L; địa chỉ trụ sở: 142/9 (tầng trệt) P, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty L ủy quyền cho bà Nguyễn Hoàng Như P, sinh năm 2000, ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1998 và ông Phan Thanh H, sinh năm 1996; cùng địa chỉ liên lạc: 360 đường V, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Bà P, ông T và ông H cùng có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Võ Nhật A, sinh năm 1984; địa chỉ: số B ấp T (nay là khu phố C), thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2.2. Ông Đào Hữu T1, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: 5 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre; địa chỉ tạm trú: B ấp T (nay là khu phố C), thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty T2 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty T2 với bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 đã ký kết Hợp đồng cho vay số 100745679 ngày 06/01/2022 (gọi tắt là hợp đồng cho vay) với nội dung như sau: Số tiền cho vay 1.050.000.000 đồng; lãi suất vay: 11,49%/năm; kỳ hạn vay: 84 kỳ, thanh toán vào ngày 16 hàng tháng theo lịch trả nợ; loại hình vay: Vay tiêu dùng để mua ô tô và sử dụng ô tô làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Cùng thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty T2 đã tiến hành giải ngân số tiền cho vay bằng cách chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản do bên vay chỉ định với thông tin tài khoản như sau: Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần C1, số tài khoản: 1015635890 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1, Chi nhánh T3. Từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 5 năm 2023, bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 đã thanh toán cho Công ty T2 với tổng số tiền là 349.658.000 đồng và kể từ thời điểm này trở về sau, bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T2 để thực hiện nghĩa vụ của bên vay theo điểm f khoản 7.2 Điều 7 của bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay thể hiện bên vay có nghĩa vụ “thanh toán khoản vay đúng hạn và phối hợp với bên cho vay để xử lý nợ”. Như vậy, tính đến ngày 17/12/2024, bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi định kỳ theo lịch trả nợ, cụ thể như sau: Số kỳ đã thanh toán 16 kỳ (Từ kỳ thứ 01: tháng 02/2022 đến kỳ thứ 16: tháng 05/2023), số kỳ chưa thanh toán 19 kỳ (Từ kỳ thứ 17: tháng 06/2023 đến kỳ thứ 35: tháng 12/2024).

Dựa vào những thông tin được bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 cung cấp, Công ty T2 đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 xử lý khoản vay quá hạn nhưng bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 vẫn không thực hiện đầy đủ cam kết thanh toán khoản vay theo hợp đồng cho vay. Căn cứ điểm a khoản 9.1 Điều 9 của bản điều khoản cơ bản quy định: “*Bên Vay không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán bất cứ khoản tiền nào đến hạn phải trả theo quy định tại hợp đồng cho vay*” là một trong những sự kiện vi phạm. Do đó, Công ty T2 có quyền yêu cầu bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 thanh toán toàn bộ dư nợ bao gồm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2024 theo điểm c khoản 9.2 Điều 9 bản điều khoản cơ bản, cụ thể như sau: Nợ gốc 850.011.151 đồng, lãi trong kỳ 134.676.959 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 30.899.102 đồng và lãi chậm trả trên lãi trong kỳ 10.746.750 đồng, tổng nợ tính đến ngày 17/12/2024 là 1.026.333.963 đồng.

Như vậy, việc bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Công ty T2 là hành vi vi phạm hợp đồng cho vay mà hai bên đã thỏa thuận, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của

Công ty T2, gây ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty T2. Vì vậy, Công ty T2 làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán đầy đủ cho Công ty T2 tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/12/2024 là 1.026.333.963 đồng (trong đó: nợ gốc là 850.011.151 đồng, lãi trong kỳ là 134.676.959 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 30.899.102 đồng và lãi chậm trả trên lãi trong kỳ là 10.746.750 đồng). Đồng thời, yêu cầu bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 có nghĩa vụ trả phân lãi quá hạn đối với dư nợ gốc còn lại và các loại lãi phạt phát sinh tính từ ngày 18/12/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty T2, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Tại bản trình bày ngày 17/01/2025 của bà Nguyễn Hoàng N P là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 06/01/2022, bà Trần Võ Nhật A và chồng là ông Đào Hữu T1 đã gửi đề nghị vay số tiền 1.050.000.000 đồng cho Công ty T2, căn cứ Phiếu đề nghị cấp khoản vay được viết bằng tay và có chữ ký của người đề nghị. Cùng ngày, các bên vay và Công ty T2 đã ký kết Hợp đồng cho vay số 100745679, tại đây ghi nhận các nội dung như sau: Số tiền cho vay 1.050.000.000 đồng, Lãi suất vay 11,49%/năm; Kỳ hạn vay 84 kỳ, thanh toán vào ngày 16 hàng tháng theo Lịch trả nợ; Loại hình vay Vay tiêu dùng để mua ô tô và sử dụng ô tô làm tài sản đảm bảo cho khoản vay. Sau đó, Công ty T2 đã tiến hành giải ngân số tiền cho vay bằng cách chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản do Các Bên Vay chỉ định với thông tin tài khoản như sau: Tên chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN C1, Số tài khoản: 1015635890 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1, Chi nhánh T3. Trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp đồng, Công ty T4 chỉ biết rằng ông T1 là chồng của bà A. Ông T1 và bà A cùng ký tên vào Hợp đồng nên có nghĩa vụ, trách nhiệm đối với khoản vay này tại Công ty T2. Và việc mâu thuẫn cá nhân của ông T1 và bà A không làm chấm dứt nghĩa vụ liên đới của các bên vay với Công ty T2.

Từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2023, bà A và ông T1 thanh toán cho Công ty T2 với tổng số tiền là 349.658.000 đồng và kể từ thời điểm này, bà A và ông T1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào công ty theo quy định tại điểm f khoản 7.2 Điều 7 của Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng. Tính đến ngày 17/01/2025, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi định kỳ theo lịch trả nợ, cụ thể như sau: Số kỳ đã thanh toán 16 kỳ (Từ kỳ thứ 01: tháng 02/2022 đến kỳ thứ 16: tháng 5/2023), số kỳ chưa thanh toán: 20 kỳ (Từ kỳ thứ 17: tháng 06/2023 đến kỳ thứ 36: tháng 01/2025)

Nhận thấy, việc không thanh toán này của bà A và ông T1 ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T2 nên Công ty khởi kiện bà A và ông T1 tại Toà án giải quyết như sau: Buộc bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 liên đới thanh toán cho Công ty T2 tổng số tiền nợ tính đến ngày 17/12/2024 gồm: Nợ gốc 850.011.151 đồng, lãi trong hạn 134.676.959 đồng, nợ lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn 30.899.102 đồng, nợ lãi chậm trả trên lãi trong kỳ 10.746.750 đồng, tổng dư nợ tính đến ngày 17/12/2024 là 1.026.333.962 đồng. Buộc bà Trần

Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 18/12/2024 cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Công ty T2.

Bất ngờ, nhận được thông tin rằng, ông T1 yêu cầu Tòa án đưa ông Phạm Hoàng S (sinh năm: 1969, thường trú tại 5 C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) vào vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vì ông T1 có mượn ông S số tiền 600.000.000 đồng để mua xe ô tô (là tài sản đang được thế chấp tại Công ty T2, đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng) nhưng do ông T1 không có khả năng trả tiếp cho ông S nên đã sử dụng tài sản thế chấp này để cản trở nợ. Yêu cầu này của ông T1 là không có cơ sở, bởi các lẽ sau: Một là, yêu cầu khởi kiện ban đầu của Công ty không bao gồm tranh chấp phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp. Hai là, sự việc nêu trên và kể cả sự thoả thuận sau đó của ông T1 và ông S là việc riêng của hai chủ thể nên không liên quan đến Công ty T2 và đặc biệt là trong vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đã được Tòa án thụ lý số 473/2024/TLST-DS ngày 21/10/2024 giữa Công ty T2 và ông T1, bà A. Ba là, phía nguyên đơn chưa nhận được bất kỳ phản hồi chính thức hay thiện chí giải quyết chính thức nào từ ông T1 như đã trình bày. Thay vào đó, sự liên tục lẫn tránh và ngắt kết nối của bên vay với nguyên đơn cũng như sự vắng mặt bà A và ông T1 trong suốt quá trình khởi kiện vụ án tại Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 9.1 Điều 9 của Bản điều khoản cơ bản quy định: *“Bên vay không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán bất cứ khoản tiền nào đến hạn phải trả theo quy định tại Hợp đồng cho vay”* là một trong những sự kiện vi phạm. Do đó, Công ty T2 có quyền yêu cầu bên vay thanh toán toàn bộ dư nợ bao gồm nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/12/2024 và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 18/12/2024 cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Công ty T2. Vì vậy, bằng văn bản này, đề nghị quý Toà: Không chấp thuận đề nghị của bà Trần Võ Nhật A. Không chấp thuận yêu cầu của ông Đào Hữu T1 về việc đưa ông Phạm Hoàng S (sinh năm: 1969, thường trú tại 5 C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) vào vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý số 473/2024/TLST-DS ngày 21/10/2024 giữa Công ty T2 và ông Đào Hữu T1, bà Trần Võ Nhật A, với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2.

Bị đơn ông Đào Hữu T1 vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án, sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày 09/01/2025 Tòa án nhận được bản tự khai của ông Đào Hữu T1 gửi bằng đường dịch vụ Bưu chính, ông Đào Hữu T1 trình bày như sau: Vào khoảng tháng 12/2021 tôi có vay của ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1969, thường trú tại: 5 C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), rồi vay thêm từ Công ty T2 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để mua xe ô tô 7 chỗ, biển số 71A-120.45, tổng giá trị chiếc xe là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) làm phương tiện đi lại làm ăn. Thời gian đầu tôi đã trả góp được một phần nợ cho Công ty T2 (khoảng 200.000.000 đồng, tính cả gốc và lãi), nhưng hiện tại do công việc làm ăn gặp khó khăn và thua lỗ nên không có khả năng trả tiếp cho ông S và

Công ty T2, tôi và ông S có thỏa thuận giao xe cho ông S để cầm trả nợ cho ông S và ông S sẽ thay tôi trả phần nợ còn lại cho Công ty T2. Mọi việc thỏa thuận giữa tôi và ông S xem như đã đạt được và tôi đã giao xe cho ông S sử dụng từ tháng 9 năm 2023 đến nay để trả nợ và giao cho ông S tiếp tục trả vốn, lãi theo như hợp đồng cho Công ty T2. Khi chúng tôi liên hệ phía Công ty T2 thì không đạt được tiếng nói chung, bên phía Công ty T2 yêu cầu tôi phải trực tiếp trả hết số nợ còn lại trong khi bản thân tôi lại mất khả năng chi trả nên không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết trước đó. Bên cạnh đó, ông S cũng yêu cầu Công ty T2 cho ông S tiếp tục trả góp hàng tháng, nhưng phía Công ty T2 không đồng ý nên cả hai bên không thống nhất được. Nay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú đưa ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1969. Nơi cư trú: 57/23, đường C, tổ D, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để chúng tôi thỏa thuận với Công ty T2.

Bị đơn bà Trần Võ Nhật A vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án, sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày 09/01/2025 Tòa án nhận được bản tự khai của bà Trần Võ Nhật A gửi bằng đường dịch vụ Bưu chính, bà Trần Võ Nhật A trình bày như sau: Vào khoảng cuối năm 2021 ông Đào Hữu T1 nói với tôi là có nhu cầu vay vốn mua xe, do lúc đó tôi và ông T1 đã sống ly thân nên việc làm hồ sơ vay vốn với Công ty T2 là tôi không biết, tôi cũng không có sử dụng vốn để mua xe, sử dụng xe, tự ông T1 tự liên hệ mua xe gì, vào thời gian nào, tôi hoàn toàn không hề hay biết.

Sau khi ký hồ sơ vay vốn thì thời gian đầu, hàng tháng ông T1 có đưa tiền cho tôi trả góp cho bên cho vay là Công ty T2 thì tôi mới biết, tôi chỉ trả tiền dùm cho ông T1 theo hợp đồng nhưng dần về sau do mâu thuẫn tình cảm gia đình dẫn đến việc ly hôn giữa tôi và ông T1 nên ông ấy cắt đứt mọi liên lạc và né tránh không đưa tiền cho tôi thanh toán theo hợp đồng. Nhiều lần tôi tìm cách liên hệ, thúc giục ông T1 nhưng ông ấy vẫn né tránh nên tôi không có tiền trả theo hợp đồng cho Công ty T2.

Nay tôi làm bản tự khai này gửi đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xem xét tôi không đồng ý liên đới trách nhiệm trả cùng ông T1 số tiền theo nội dung yêu cầu của Công ty T2, vì bản thân tôi không liên quan đến vụ án này mà buộc cá nhân ông T1 phải có trách nhiệm trả đủ số tiền còn lại cho Công ty T2 số tiền còn nợ tính đến ngày 21/6/2024 là 966.485.536 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 yêu cầu bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A trả tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A cùng cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022 giữa bên cho vay là Công ty T2, bên vay là ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A, hợp đồng này đã thể hiện đầy đủ họ tên, năm sinh và địa chỉ của ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A, quá trình giải quyết vụ án ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà Nguyễn Hoàng Như P, ông Huỳnh Thanh T và ông Phan Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Đối với bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Công ty T2 yêu cầu bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ tính đến ngày 17/12/2024 là 1.026.333.962 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 850.011.151 đồng, lãi trong kỳ 134.676.959 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 30.899.102 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong kỳ 10.746.750 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A có nghĩa vụ trả phần lãi quá hạn đối với dư nợ gốc còn lại và các loại lãi phạt phát sinh tính từ ngày 18/12/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty T2, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022, bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay mua xe ô tô, cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân, lịch trả nợ, văn bản thông báo sửa đổi điều khoản của hợp đồng, phiếu đề nghị cấp khoản vay, thu nhắc nợ, bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 21/6/2024, bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 17/12/2024.

[5] Đối với bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa và đã được tổng đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Đến ngày 09/01/2025, Tòa án có nhận được bản tự khai của ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A, trong đó ông T1 đề nghị đưa ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1969, cư trú tại số E, đường C, tổ D, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thỏa thuận việc trả nợ với nguyên đơn, còn bà Trần Võ Nhật A trình bày là không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng ông T1 để trả số

tiền theo nội dung yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Xét yêu cầu của bị đơn ông Đào Hữu T1 yêu cầu Tòa án đưa ông Phạm Hoàng S tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ việc nguyên đơn Công ty T2 chỉ yêu cầu bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022 đã ký kết, không yêu cầu xử lý tài sản của ông T1 và bà A trong vụ án này, nguyên đơn không yêu cầu trách nhiệm trả nợ của ông Phạm Hoàng S và nguyên đơn cũng không đồng ý với thỏa thuận của ông Đào Hữu T1 và ông Phạm Hoàng S về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của ông T1 về việc đưa ông Phạm Hoàng S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022, bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay mua xe ô tô, cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân giữa Công ty T2 với ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A xét về hình thức và nội dung là phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng cho vay mua xe ô tô và bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay mua xe ô tô nêu trên được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các nội dung đã giao kết làm cơ sở để giải quyết vụ án. Do ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty T2 từ ngày 21/6/2024 theo các thỏa thuận trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T2 nên Công ty T2 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay, tiền lãi cho Công ty T2 tạm tính đến ngày 17/12/2024 là 1.026.333.962 đồng, trong đó: nợ gốc 850.011.151 đồng, lãi trong kỳ 134.676.959 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 30.899.102 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong kỳ 10.746.750 đồng và yêu cầu bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 có nghĩa vụ trả phần lãi quá hạn đối với dư nợ gốc còn lại và các loại lãi phạt phát sinh tính từ ngày 18/12/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty T2, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022 là phù hợp với thỏa thuận của các bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của bị đơn bà Trần Võ Nhật A với nội dung là không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng ông T1 để trả số tiền theo nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Nhận thấy, bà Trần Võ Nhật A và ông Đào Hữu T1 đều có ký kết các văn bản gồm: Hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022, bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay mua xe ô tô, cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân, phiếu đề nghị cấp khoản vay với Công ty T2. Việc bà Trần Võ Nhật A không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng ông T1 trả nợ không được phía nguyên đơn đồng ý nên buộc bị đơn bà Trần Võ Nhật A phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đào Hữu T1 để trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 được chấp nhận nên

ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 42.790.018 đồng. Công ty T2 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A.

Buộc ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T2 số tiền vay còn nợ tính đến ngày 17/12/2024 tổng cộng là 1.026.333.962 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 850.011.151 đồng, lãi trong kỳ 134.676.959 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 30.899.102 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong kỳ 10.746.750 đồng.

Buộc ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A có nghĩa vụ trả phần lãi quá hạn tiếp theo đối với dư nợ gốc còn lại và các loại lãi phạt phát sinh, tính từ ngày 18/12/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Công ty T2, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay mua xe ô tô số 100745679 ngày 06/01/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Đào Hữu T1 và bà Trần Võ Nhật A có nghĩa vụ liên đới nộp 42.790.018 đồng.

Công ty T2 được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.497.000 đồng theo Biên lai thu số 0003645 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú